### Use case “Đăng ký thành viên”

Định danh

* *Tên:* Đăng ký thành viên
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách một người dùng đăng ký tài khoản thành viên
* *Tác nhân chính:* khách vãng lai
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 15/03/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi một actor muốn đăng ký tài khoản thành viên
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* chưa đăng nhập
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor thực hiện chức năng đăng ký.

+ Hệ thống hiển thị yêu cầu xác nhận từ actor

+ Actor điền các thông tin vào form đăng ký

+ Actor tiến hành đăng ký

+ Hệ thống kiểm tra các thông tin đăng ký

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, actor lúc này đã được cấp tài khoản và đăng nhập vào hệ thống. Nếu không, trạng thái hệ thống không thay đổi.
* *Xử lý ngoại lệ*: Nếu thông tin đăng ký không hợp lệ hệ thống sẽ gửi một thông điệp lỗi, lúc này actor có thể chọn trở về đăng ký lại hoặc hủy bỏ việc đăng ký, use case kết thúc

+ Nếu actor nhập sai email sẽ hiển thị thông điệp mail không hợp lệ

+ Nếu actor bỏ trống sẽ hiển thị thông điệp không được để trống họ

+ Nếu actor tên sẽ hiển thị thông điệp không được để trống tên

+ Nếu actor không chọn ngày sinh sẽ hiển thị thông điệp không được để trống ngày sinh

+ Nếu actor không nhập số điện thoại sẽ hiển thị thông điệp không được để trống số điện thoại

+ Nếu actor nhập sai số điện thoại sẽ hiển thị thông điệp số điện thoại không hợp lệ

+ Nếu actor nhập sai email sẽ hiển thị thông điệp email không hợp lệ

### Use case “Đăng nhập”

Định danh

* *Tên:* Đăng nhập
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách một người dùng đăng nhập vào hệ thống đăng ký học phần
* *Tác nhân chính:* khách vãng lai

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi một actor muốn đăng nhập vào hệ thống mua hàng
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* không có
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Hệ thống yêu cầu actor nhập email hoặc số điện thoại và mật khẩu.

+ Actor nhập tên và mật khẩu

+ Hệ thống kiểm chứng email/sdt và mật khẩu được nhập và cho phép actor đăng nhập vào hệ thống.

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, actor lúc này đã đăng nhập vào hệ thống. Nếu không, trạng thái hệ thống không thay đổi.
* *Xử lý ngoại lệ*: Nếu actor nhập sai tên hoặc mật khẩu, hệ thông sẽ hiển thị một thông điệp lỗi. Actor có thể chọn trở về đăng nhập lại hoặc hủy bỏ việc đăng nhập, lúc này use case kết thúc.

Nếu actor nhập sai:

+ Email: sẽ hiển thị thông điệp không tồn tại email.

+ Số điện thoại: sẽ hiển thị thông điệp số điên thoại không tồn tại.

+ Password: sẽ hiển thị thông điệp yêu cầu nhập đúng mật khẩu.

### Use case “Tìm kiếm sản phẩm”

Định danh

* *Tên:* Tìm kiếm sản phẩm.
* *Mục tiêu:* hiển thị đúng sản phẩm actor cần tìm kiếm
* *Tác nhân chính:* khách vãng lai, thành viên, nhân viên, admin

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi một actor muốn tìm kiếm một sản phẩm
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* không có
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor nhập tên sản phẩm hoặc mã sản phẩm cần tìm kiếm.

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, sản phẩm sẽ được hiển thị ra giao diện
* *Xử lý ngoại lệ*: Nếu tên hoặc mã sản phẩm không tồn tại hệ thống sẽ hiện thống báo lỗi.

### Use case “Tìm kiếm loại sản phẩm”

Định danh

* *Tên:* Tìm kiếm loại sản phẩm.
* *Mục tiêu:* hiển thị đúng loại sản phẩm actor cần tìm kiếm
* *Tác nhân chính:* khách vãng lai, thành viên, nhân viên, admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 05/12/08
* *Người tạo:* Lê Minh Nghĩa – B1605229
* *Phiên bản (version):* 1

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi một actor muốn tìm kiếm một loại sản phẩm
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* không có
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor nhập tên loại sản phẩm hoặc mã loại sản phẩm cần tìm kiếm.

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công,các sản phẩm sẽ được hiển thị ra giao diện
* *Xử lý ngoại lệ*: Nếu tên hoặc mã loại sản phẩm không tồn tại hệ thống sẽ hiện thống báo lỗi.

### Use case “Lọc sản phẩm”

Định danh

* *Tên:* Lọc sản phẩm
* *Mục tiêu:* hiển thị sản phẩm theo đúng mục actor cần
* *Tác nhân chính:* khách vãng lai, thành viên
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 05/12/08
* *Người tạo:* Lê Minh Nghĩa – B1605229
* *Phiên bản (version):* 1

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi một actor muốn lọc các sản phẩm hiển thị theo thương hiệu, xuất xứ, giá, dung lượng.
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* không có
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor chọn mục sản phẩm cần hiển thị

+ Hệ thống sẽ kiểm tra và hiển thị các sản phẩm theo yêu cầu của actor.

* *Điều kiện cuối (post-cond):* các sản phẩm sẽ được hiển thị ra giao diện theo yêu cầu của actor
* *Xử lý ngoại lệ*: không có.

### Use case “Sắp xếp sản phẩm”

Định danh

* *Tên:* Sắp xếp sản phẩm.
* *Mục tiêu:* sắp xếp sản phẩm theo đúng trình tự actor cần
* *Tác nhân chính:* khách vãng lai, thành viên
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 05/12/08
* *Người tạo:* Lê Minh Nghĩa – B1605229
* *Phiên bản (version):* 1

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi một actor muốn sắp xếp các sản phẩm hiển thị theo tên, giá, đánh giá, độ mới.
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* actor đã thực hiện xong use case tìm kiếm sản phẩm hoặc tìm kiếm loại sản phẩm.
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor chọn yêu cầu sắp xếp cần hiển thị

+ Hệ thống sẽ kiểm tra và hiển thị các sản phẩm theo yêu cầu của actor.

* *Điều kiện cuối (post-cond):* các sản phẩm sẽ được hiển thị ra giao diện theo yêu cầu của actor
* *Xử lý ngoại lệ*: không có.

### Use case “Tìm kiếm chính sách của cửa hàng”

Định danh

* *Tên:* Tìm kiếm chính sách của cửa
* *Mục tiêu:* hiển thị các chính sách của cửa hàng cho actor
* *Tác nhân chính:* khách vãng lai, thành viên, nhân viên, admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 05/12/08
* *Người tạo:* Lê Minh Nghĩa – B1605229
* *Phiên bản (version):* 1

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi một actor muốn xem chính sách của cửa hàng
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* không có
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor chọn mục chính sách trên giao diện chính

* *Điều kiện cuối (post-cond):* các chính sách của cửa hàng sẽ hiển thị ra cho actor
* *Xử lý ngoại lệ:* Nếu actor tìm kiếm một khuyến mãi không có trong cửa hàng sẽ hiển thị thông báo

### Use case “Hỏi đáp”

a. Định danh:

- Tên: hỏi đáp

- Mục tiêu: Use case này mô tả cách actor để lại câu hỏi, thắc mắc cho cửa hàng.

- Tác nhân chính: thành viên.

- Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 06/03/2019

- Người tạo: Lê Minh Nghĩa

- Phiên bản: 1.0

b. Chuỗi hành vi:

- Mô tả tổng quát chuỗi: Use case này bắt đầu khi một actor muốn đặt câu hỏi cho cửa hàng trên hệ thống.

- Điều kiện đầu: actor đã đăng nhập và tìm kiếm sản phẩm

- Chuỗi liên kết các thông điệp:

1.Actor chọn sản phẩm.

2. Actor vào mục hỏi đáp và để lại câu hỏi cho cửa hàng.

- Điều kiện đầu cuối: nếu use case thành công câu hỏi sẽ được gửi đến cho nhân viên.

- Xử lý ngoại lệ: câu hỏi không được vượt quá 500 ký tự.

### Use case “Đánh giá”

a. Định danh:

- Tên: đánh giá

- Mục tiêu: Use case này mô tả cách actor để lại đánh giá cho sản phẩm.

- Tác nhân chính: thành viên.

- Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 06/03/2019

- Người tạo: Lê Minh Nghĩa

- Phiên bản: 1.0

b. Chuỗi hành vi:

- Mô tả tổng quát chuỗi: Use case này bắt đầu khi một actor muốn đánh giá một sản phẩm

- Điều kiện đầu: actor đã đăng nhập và tìm kiếm sản phẩm

- Chuỗi liên kết các thông điệp:

1.Actor chọn sản phẩm.

2. Actor chọn mức độ đánh giá sản phẩm từ 1 đến 5.

- Điều kiện đầu cuối: nếu use case thành công đánh giá sẽ được hiện ra.

- Xử lý ngoại lệ: không có.

### Use case “Bình luận”

a. Định danh:

- Tên: bình luận

- Mục tiêu: Use case này mô tả cách actor để bình luận cho sản phẩm.

- Tác nhân chính: thành viên.

- Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 06/03/2019

- Người tạo: Lê Minh Nghĩa

- Phiên bản: 1.0

b. Chuỗi hành vi:

- Mô tả tổng quát chuỗi: Use case này bắt đầu khi một actor muốn để lại bình luận cho sản phẩm.

- Điều kiện đầu: actor đã đăng nhập và tìm kiếm sản phẩm

- Chuỗi liên kết các thông điệp:

1. Actor chọn sản phẩm.

2. Actor vào mục bình luận và viết ra bình luận của riêng actor, actor có thể thêm hình ảnh tối đa 10 bức ảnh.

- Điều kiện đầu cuối: nếu use case thành công bình luận sẽ được hiển thị ra ngoài ở mục bình luận.

- Xử lý ngoại lệ: bình luận phải tối thiểu 50 ký tự và tối đa 500 ký tự.

### Use case “Sửa bình luận”

a. Định danh:

- Tên: sửa bình luận

- Mục tiêu: Use case này mô tả cách actor để chỉnh sửa bình luận của chính actor.

- Tác nhân chính: thành viên, nhân viên.

- Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 06/03/2019

- Người tạo: Lê Minh Nghĩa

- Phiên bản: 1.0

b. Chuỗi hành vi:

- Mô tả tổng quát chuỗi: Use case này bắt đầu khi một actor muốn chỉnh sửa lại bình luận của chính actor đó.

- Điều kiện đầu: actor đã đăng nhập, tìm kiếm sản phẩm và bình luận sản phẩm

- Chuỗi liên kết các thông điệp:

1. Actor chọn sản phẩm.

2. Actor vào mục bình luận, chỉnh sửa và viết lại bình luận của actor.

- Điều kiện đầu cuối: nếu use case thành công bình luận sẽ được hiển thị ra ngoài ở mục bình luận.

- Xử lý ngoại lệ: bình luận phải tối thiểu 50 ký tự và tối đa 500 ký tự.

### Use case “Xóa bình luận”

a. Định danh:

- Tên: xóa bình luận

- Mục tiêu: Use case này mô tả cách actor để xóa bình luận của chính actor đó.

- Tác nhân chính: thành viên, nhân viên.

- Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 06/03/2019

- Người tạo: Lê Minh Nghĩa

- Phiên bản: 1.0

b. Chuỗi hành vi:

- Mô tả tổng quát chuỗi: Use case này bắt đầu khi một actor muốn xóa bình luận của chính actor đó.

- Điều kiện đầu: actor đã đăng nhập, tìm kiếm sản phẩm và bình luận sản phẩm

- Chuỗi liên kết các thông điệp:

1. Actor chọn sản phẩm.

2. Actor vào mục bình luận, xóa bình luận của actor.

- Điều kiện đầu cuối: nếu use case thành công bình luận được xóa bỏ.

- Xử lý ngoại lệ: bình luận phải tối thiểu 50 ký tự và tối đa 500 ký tự.

### Use case “Thêm sản phẩm vào giỏ”

a. Định danh:

- Tên: thêm sản phẩm vào giỏ

- Mục tiêu: Use case này mô tả cách actor thêm sản phẩm vào giỏ của actor.

- Tác nhân chính: thành viên.

- Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 06/03/2019

- Người tạo: Lê Minh Nghĩa

- Phiên bản: 1.0

b. Chuỗi hành vi:

- Mô tả tổng quát chuỗi: Use case này bắt đầu khi một actor muốn thêm sản phẩm vào giỏ hàng của actor.

- Điều kiện đầu: actor đã đăng nhập, tìm kiếm sản phẩm

- Chuỗi liên kết các thông điệp:

1. Actor chọn sản phẩm.

2. Actor chọn thêm sản phẩm.

- Điều kiện đầu cuối: nếu use case thành công bình luận sẽ được thêm vào giỏ hàng.

- Xử lý ngoại lệ: Nếu sản phẩm đã hết thì không thể thêm vào giỏ.

### Use case “Xem thông tin cá nhân”

a. Định danh:

- Tên: xem thông tin cá nhân

- Mục tiêu: Use case này mô tả cách actor xem thông tin cá nhân.

- Tác nhân chính: thành viên, nhân viên.

- Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 4/24/2019

- Người tạo: Lê Minh Nghĩa

- Phiên bản: 1.0

b. Chuỗi hành vi:

- Mô tả tổng quát chuỗi: Use case này bắt đầu khi một actor muốn xem thông tin cá nhân.

- Điều kiện đầu: actor đã đăng nhập

- Chuỗi liên kết các thông điệp:

1. Actor chọn mục cá nhân.

- Điều kiện đầu cuối: nếu use case thành công thông tin cá nhân của actor sẽ hiển thị.

- Xử lý ngoại lệ: không có.

### Use case “Xem điểm tích lũy”

a. Định danh:

- Tên: xem điểm tích lũy

- Mục tiêu: Use case này mô tả cách actor xem điểm tích lũy hiển tại.

- Tác nhân chính: thành viên, nhân viên.

- Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 4/24/2019

- Người tạo: Lê Minh Nghĩa

- Phiên bản: 1.0

b. Chuỗi hành vi:

- Mô tả tổng quát chuỗi: Use case này bắt đầu khi một actor xem điểm tích lũy hiện tại của actor.

- Điều kiện đầu: actor đã đăng nhập.

- Chuỗi liên kết các thông điệp:

1. Actor chọn cá nhân.

2. Actor chọn điểm tích lũy.

- Điều kiện đầu cuối: nếu use case thành công điểm tích lũy sẽ hiển thị.

- Xử lý ngoại lệ: không có.

### Use case “Chỉnh sửa thông tin cá nhân”

a. Định danh:

- Tên: Chỉnh sửa thông tin cá nhân

- Mục tiêu: Use case này mô tả cách actor chỉnh sửa lại thông tin cá nhân actor.

- Tác nhân chính: thành viên.

- Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 4/24/2019

- Người tạo: Lê Minh Nghĩa

- Phiên bản: 1.0

b. Chuỗi hành vi:

- Mô tả tổng quát chuỗi: Use case này bắt đầu khi một actor muốn chỉnh sửa lại thông tin cá nhân.

- Điều kiện đầu: actor đã đăng nhập.

- Chuỗi liên kết các thông điệp:

1. Actor chọn cá nhân.

2. Actor chọn chỉnh sửa.

- Điều kiện đầu cuối: nếu use case thành công thông tin cá nhân của actor sẽ được chỉnh sửa.

- Xử lý ngoại lệ: Nếu thông tin chỉnh sửa không hợp lệ hệ thống sẽ gửi một thông điệp lỗi, lúc này actor có thể chọn trở về chỉnh sửa lại hoặc hủy bỏ việc chỉnh sửa, use case kết thúc

+ Actor không được chỉnh sửa email và số điện thoại

### Use case “Thăng hạng”

a. Định danh:

- Tên: Thăng hạng

- Mục tiêu: Use case này mô tả cách actor thăng hạng cho tài khoản của mình.

- Tác nhân chính: thành viên.

- Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 4/24/2019

- Người tạo: Lê Minh Nghĩa

- Phiên bản: 1.0

b. Chuỗi hành vi:

- Mô tả tổng quát chuỗi: Use case này bắt đầu khi một actor muốn thăng hạng cho tài khoản.

- Điều kiện đầu: actor đã đăng nhập và đủ điểm để thăng hạng.

- Chuỗi liên kết các thông điệp:

1. Actor chọn cá nhân.

2. Actor chọn thăng hạng.

- Điều kiện đầu cuối: nếu use case thành công hạng của tài khoản sẽ được cập nhật.

- Xử lý ngoại lệ: Nếu điểm tích lũy của actor không đủ hệ thống sẽ gửi một thông điệp lỗi, use case kết thúc

### Use case “Xem sản phẩm đã mua”

a. Định danh:

- Tên: Xem sản phẩm đã mua

- Mục tiêu: Use case này mô tả cách actor xem lại những sản phẩm đã mua.

- Tác nhân chính: thành viên.

- Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 4/24/2019

- Người tạo: Lê Minh Nghĩa

- Phiên bản: 1.0

b. Chuỗi hành vi:

- Mô tả tổng quát chuỗi: Use case này bắt đầu khi một actor muốn xem lại những sản phẩm mà mình đã mua.

- Điều kiện đầu: actor đã đăng nhập và đã từng mua sản phẩm.

- Chuỗi liên kết các thông điệp:

1. Actor chọn cá nhân.

2. Actor chọn sản phẩm đã mua.

- Điều kiện đầu cuối: nếu use case thành công những sản phẩm đã mua của actor sẽ được hiển thị.

- Xử lý ngoại lệ: Nếu actor chưa từng mua sản phẩm nào thì hiện thông báo ‘Quý khách chưa có sản phẩm đã mua’

### Use case “Xem tình trạng đơn hàng”

a. Định danh:

- Tên: Xem tình trạng đơn hàng

- Mục tiêu: Use case này mô tả cách actor xem tình trạng của đơn hàng.

- Tác nhân chính: thành viên, nhân viên.

- Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 4/24/2019

- Người tạo: Lê Minh Nghĩa

- Phiên bản: 1.0

b. Chuỗi hành vi:

- Mô tả tổng quát chuỗi: Use case này bắt đầu khi một actor muốn xem tình trạng của đơn hàng.

- Điều kiện đầu: actor đã đăng nhập và đã tiến hành thanh toán giỏ hàng.

- Chuỗi liên kết các thông điệp:

1. Actor chọn cá nhân.

2. Actor chọn xem tình trạng đơn hàng.

- Điều kiện đầu cuối: nếu use case thành công sẽ hiển thị tình trạng của các đơn hàng từ trước

- Xử lý ngoại lệ: không có.

### Use case “Xem vị trí đơn hàng”

a. Định danh:

- Tên: Xem tình trạng đơn hàng

- Mục tiêu: Use case này mô tả cách actor xem tình trạng của đơn hàng.

- Tác nhân chính: thành viên, nhân viên.

- Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 4/24/2019

- Người tạo: Lê Minh Nghĩa

- Phiên bản: 1.0

b. Chuỗi hành vi:

- Mô tả tổng quát chuỗi: Use case này bắt đầu khi một actor muốn xem tình trạng vận chuyển của đơn hàng.

- Điều kiện đầu: actor đã đăng nhập và đã tiến hành thanh toán giỏ hàng.

- Chuỗi liên kết các thông điệp:

1. Actor chọn cá nhân.

2. Actor chọn xem tình trạng đơn hàng.

- Điều kiện đầu cuối: nếu use case thành công sẽ hiển thị vị trí của đơn hàng

- Xử lý ngoại lệ: không có.

### Use case “Xem số tiền đã mua”

a. Định danh:

- Tên: Xem số tiền đã mua

- Mục tiêu: Use case này mô tả cách actor xem lại tổng số tiền đã mua hàng trước giờ.

- Tác nhân chính: thành viên, nhân viên.

- Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 4/24/2019

- Người tạo: Lê Minh Nghĩa

- Phiên bản: 1.0

b. Chuỗi hành vi:

- Mô tả tổng quát chuỗi: Use case này bắt đầu khi một actor muốn xem lại tổng số tiền đã mua hàng.

- Điều kiện đầu: actor đã đăng nhập.

- Chuỗi liên kết các thông điệp:

1. Actor chọn cá nhân.

2. Actor chọn số tiền đã mua.

- Điều kiện đầu cuối: nếu use case thành công sẽ hiển thị tổng số tiền đã mua hàng trước giờ

- Xử lý ngoại lệ: không có.

### Use case “Đăng xuất”

a. Định danh:

- Tên: Đăng xuất

- Mục tiêu: Use case mô tả cách actor thoát tài khoản ra khỏi hệ thống.

- Tác nhân chính: Thanhvien, Admin.

- Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 4/24/2019

- Người tạo: Lê Minh Nghĩa

- Phiên bản: 1.0

b. Chuỗi hành vi:

- Mô tả tổng quát chuỗi: Use case này bắt đầu khi một actor muốn thoát tài khoản ra khỏi hệ thống.

- Điều kiện đầu: actor đã đăng nhập.

- Chuỗi liên kết các thông điệp:

1. Actor chọn xem thông tin cá nhân.

2. Actor chọn đăng xuất.

- Điều kiện đầu cuối: không có

- Xử lý ngoại lệ: không có.

### Use case “Xem giỏ hàng”

Định danh

* *Tên:* Xem giỏ hàng
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách một người dùng xem lại giỏ hàng của họ.
* *Tác nhân chính:* thành viên
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/23/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi một actor muốn xem các sản phẩm trong giỏ hàng
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* đã đăng nhập
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor chọn giỏ hàng

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, hệ thống sẽ hiển thị các sản phẩm và giá cho người dùng xem
* *Xử lý ngoại lệ*: không có

### Use case “Tùy chỉnh số lượng sản phẩm”

Định danh

* *Tên:* Tùy chỉnh số lượng sản phẩm
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách một người dùng thay đổi số lượng sản phẩm.
* *Tác nhân chính:* thành viên
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/23/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi một actor muốn thay đổi số lượng sản phẩm trong giỏ
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* đã đăng nhập, đã thêm sản phẩm vào giỏ
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor chọn giỏ hàng

+ Actor chọn “+” để thêm một sản phẩm hoặc chọn “-” để giảm đi một sản phẩm

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, hệ thống sẽ cộng thêm một sản phẩm hoặc giảm đi một sản phẩm trong giỏ
* *Xử lý ngoại lệ*: nếu số lượng sản phẩm bằng 1 thì không thể giảm nữa.

### Use case “Thanh toán”

Định danh

* *Tên:* Thanh toán
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách một người dùng tiến hành thanh toán giỏ hàng.
* *Tác nhân chính:* thành viên
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/23/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi một actor muốn thanh toán các sản phẩm có trong giỏ hàng.
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* actorđã đăng nhập, actor đã thêm sản phẩm vào giỏ.
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor chọn giỏ hàng

+ Actor chọn thanh toán

* *Điều kiện cuối (post-cond):* không có
* *Xử lý ngoại lệ*: không có.

### Use case “Chọn phương thức vận chuyển”

Định danh

* *Tên:* Chọn phương thức vận chuyển
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách một người dùng chọn phương thức vận chuyển cho đơn hàng của họ.
* *Tác nhân chính:* thành viên
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/23/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi một actor muốn thanh toán giỏ hàng
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* actor đã chọn thanh toán
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor chọn một trong số các phương thức vận chuyển.

* *Điều kiện cuối (post-cond):* không có
* *Xử lý ngoại lệ*: không có

### Use case “Chọn hình thức thanh toán”

Định danh

* *Tên:* Chọn hình thức thanh toán
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách một người dùng chọn phương thức thanh toán cho đơn hàng.
* *Tác nhân chính:* thành viên
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/23/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi một actor muốn thanh toán giỏ hàng
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* Actor đã chọn thanh toán
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor chọn một trong số các phương thức thanh toán có sẵn

* *Điều kiện cuối (post-cond):* không có
* *Xử lý ngoại lệ*: không có

### Use case “Xác nhận thanh toán”

Định danh

* *Tên:* Xác nhận thanh toán
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách một người dùng đồng ý thanh toán giỏ hàng với các sản phẩm, số lượng, phương thức thanh toán và phương thức vận chuyển đã chọn.
* *Tác nhân chính:* thành viên
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/23/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi một actor muốn hoàn thành thanh toán đơn hàng
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* Actor chọn thanh toán và đã chọn đơn vị vận chuyển, phương thức thanh toán.
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor chọn xác nhận thanh toán

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, đơn hàng sẽ được chuyển đến admin để kiểm duyệt
* *Xử lý ngoại lệ*: không có.

### Use case “Đổi điểm”

Định danh

* *Tên:* Đổi điểm
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách một người dùng sử dụng điểm thưởng để trừ vào số tiền trong đơn hàng.
* *Tác nhân chính:* thành viên
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/23/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi một actor muốn dùng điểm để trừ bớt tiền cho đơn hàng.
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* Actor đã chọn thanh toán
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor chọn sử dụng điểm

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, sử dụng điểm thưởng có trong tài khoản để trừ đi số tiền tương ứng trong giỏ hàng.
* *Xử lý ngoại lệ*: nếu điểm thưởng bằng 0 thì không thể chọn.

### Use case “Trả lời câu hỏi”

Định danh

* *Tên:* Trả lời câu hỏi
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách admin trả lời câu hỏi của thành viên.
* *Tác nhân chính:* admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/23/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi admin muốn trả lời câu hỏi của thành viên
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* Adminđã đăng nhập, thành viên đã đặt câu hỏi
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Admin chọn vào sản phẩm

+ Admin chọn vào câu hỏi và nhập nội dung trả lời.

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, câu trả lời và câu hỏi sẽ được hiển thị.
* *Xử lý ngoại lệ*: không có.

### Use case “Trả lời bình luận”

Định danh

* *Tên:* Trả lời bình luận
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách admin trả lời bình luận của thành viên.
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/23/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi admin muốn trả lời bình luận của thành viên
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* Admin đã đăng nhập, thành viên để lại bình luận
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor chọn vào sản phẩm

+ Actor chọn vào bình luận muốn trả lời và nhập nội dung trả lời.

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, bình luận của admin sẽ hiển thị bên dưới bình luận của thành viên và lui vào trong.
* *Xử lý ngoại lệ*: không có.

### Use case “Xem danh sách đơn hàng chờ”

Định danh

* *Tên:* Xem danh sách đơn hàng chờ
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin xem danh sách các đơn hàng chưa được duyệt.
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/23/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin kiểm duyệt đơn hàng
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* thành viên đã xác nhận thanh toán
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Admin chọn đơn hàng chờ

+ Admin chọn xem đơn hàng

* *Điều kiện cuối (post-cond):* không có
* *Xử lý ngoại lệ*: không có.

### Use case “Hủy đơn hàng”

Định danh

* *Tên:* Hủy đơn hàng
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin hủy đơn hàng.
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/23/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin hủy đơn hàng
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* Admin đã xem đơn hàng
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Admin chọn hủy đơn hàng

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, đơn hàng sẽ bị hủy
* *Xử lý ngoại lệ*: không có.

### Use case “Duyệt đơn hàng”

Định danh

* *Tên:* Duyệt đơn hàng
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin duyệt đơn hàng
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/23/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin duyệt đơn hàng
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* Admin đã xem đơn hàng
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Admin chọn duyệt đơn hàng

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, đơn hàng sẽ được duyệt và hệ thống sẽ tự in hóa đơn
* *Xử lý ngoại lệ*: không có.

### Use case “Thêm sản phẩm”

Định danh

* *Tên:* Thêm sản phẩm
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin thêm sản phẩm
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 4/24/2019*

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin muốn thêm sản phẩm.
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* không có
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Admin chọn thêm sản phẩm ở giao diện chính và nhập các thông tin sản phẩm để thêm.

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, sản phẩm sẽ được thêm vào hệ thống
* *Xử lý ngoại lệ*: không có

### Use case “Sửa sản phẩm”

Định danh

* *Tên:* Sửa sản phẩm
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin chỉnh sửa sản phẩm
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/24/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin muốn chỉnh sửa thông tin của sản phẩm
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* sản phẩm đã có trong hệ thống
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor chọn sản phẩm muốn chỉnh sửa

+ Actor chọn cập nhật sản phẩm và nhập các thông tin

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, hệ thống cập nhật lại thông tin của sản phẩm
* *Xử lý ngoại lệ*: không có

### Use case “Xóa sản phẩm”

Định danh

* *Tên:* Xóa sản phẩm
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin xóa sản phẩm
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/24/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin muốn xóa một sản phẩm ra khỏi hệ thống
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* sản phẩm đã có trong hệ thống
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor chọn vào sản phẩm

+ Actor chọn xóa sản phẩm và chọn xác nhận xóa

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, sản phẩm sẽ bị ẩn khỏi giao diện
* *Xử lý ngoại lệ*: không có

### Use case “Thêm khuyến mãi”

Định danh

* *Tên:* Thêm khuyến mãi
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin thêm khuyến mãi
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 4/24/2019*

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin muốn thêm chương trình khuyến mãi mới.
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* không có
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Admin chọn thêm chương trình khuyến mãi ở giao diện chính và nhập các thông tin về chương trình khuyến mãi muốn thêm.

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, chương trình khuyến mãi sẽ được thêm vào hệ thống.
* *Xử lý ngoại lệ*: không có

### Use case “Sửa khuyến mãi”

Định danh

* *Tên:* Sửa khuyến mãi
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin chỉnh sửa khuyến mãi
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/24/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin muốn chỉnh sửa thông tin của một chương trình khuyến mãi
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* chương trình khuyến mãi đã có trong hệ thống
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor chọn chương trình khuyến mãi muốn chỉnh sửa

+ Actor chọn cập nhật và nhập các thông tin

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, hệ thống cập nhật lại thông tin của chương trình khuyến mãi
* *Xử lý ngoại lệ*: không có

### Use case “Xóa khuyến mãi”

Định danh

* *Tên:* Xóa khuyến mãi
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin xóa chương trình khuyến mãi
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/24/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin muốn xóa chương trình khuyến mãi ra khỏi hệ thống
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* chương trình khuyến mãi đã có trong hệ thống
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor chọn vào chương trình khuyến mãi

+ Actor chọn xóa chương trình khuyến mãi

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, chương trình khuyến mãi sẽ bị ẩn khỏi giao diện
* *Xử lý ngoại lệ*: không có

### Use case “Thêm đối tác giao hàng”

Định danh

* *Tên:* Thêm đối tác giao hàng
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin thêm đối tác giao hàng
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 4/24/2019*

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin muốn thêm đối tác giao hàng mới.
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* không có
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Admin chọn thêm đối tác giao hàng ở giao diện chính và nhập các thông tin về đối tác giao hàng muốn thêm.

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, đối tác giao hàng sẽ được thêm vào hệ thống.
* *Xử lý ngoại lệ*: không có

### Use case “Sửa đối tác giao hàng”

Định danh

* *Tên:* Sửa đối tác giao hàng
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin chỉnh sửa đối tác giao hàng
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/24/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin muốn chỉnh sửa thông tin của một đối tác giao hàng
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* đối tác giao hàng đã có trong hệ thống
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor chọn đối tác giao hàng muốn chỉnh sửa

+ Actor chọn cập nhật và nhập các thông tin

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, hệ thống cập nhật lại thông tin của đối tác giao hàng
* *Xử lý ngoại lệ*: không có

### Use case “Xóa đối tác giao hàng”

Định danh

* *Tên:* Xóa đối tác giao hàng
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin xóa đối tác giao hàng
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/24/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin muốn xóa một đối tác giao hàng ra khỏi hệ thống
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* đối tác giao hàng đã có trong hệ thống
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor chọn vào đối tác giao hàng

+ Actor chọn xóa đối tác giao hàng

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, đối tác giao hàng sẽ bị xóa khỏi hệ thống
* *Xử lý ngoại lệ*: không có

### Use case “Thêm phương thức thanh toán”

Định danh

* *Tên:* Thêm phương thức thanh toán
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin thêm phương thức thanh toán
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 4/24/2019*

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin muốn thêm phương thức thanh toán mới.
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* không có
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Admin chọn thêm phương thức thanh toán ở giao diện chính và nhập các thông tin về phương thức thanh toán muốn thêm.

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, phương thức thanh toán sẽ được thêm vào hệ thống.
* *Xử lý ngoại lệ*: không có

### Use case “Sửa phương thức thanh toán”

Định danh

* *Tên:* Sửa phương thức thanh toán
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin chỉnh sửa phương thức thanh toán
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/24/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin muốn chỉnh sửa thông tin của một phương thức thanh toán
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* phương thức thanh toán đã có trong hệ thống
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor chọn phương thức thanh toán muốn chỉnh sửa

+ Actor chọn cập nhật và nhập các thông tin

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, hệ thống cập nhật lại thông tin của phương thức thanh toán
* *Xử lý ngoại lệ*: không có

### Use case “Xóa phương thức thanh toán”

Định danh

* *Tên:* Xóa phương thức thanh toán
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin xóa phương thức thanh toán
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/24/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin muốn xóa phương thức thanh toán ra khỏi hệ thống
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* phương thức thanh toán đã có trong hệ thống
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor chọn vào chương trình khuyến mãi

+ Actor chọn xóa chương trình khuyến mãi

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, phương thức thanh toán sẽ bị xóa khỏi hệ thống
* *Xử lý ngoại lệ*: không có

### Use case “Xem danh sách khách hàng”

Định danh

* *Tên:* Xem danh sách khách hàng
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin xem danh sách khách hàng
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 4/24/2019*

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin muốn xem danh sách khách hàng
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* không có
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Admin chọn danh sách khách hàng ở giao diện chính

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, danh sách thông tin các khách hàng sẽ được hiển thị ra
* *Xử lý ngoại lệ*: không có

### Use case “Tìm kiếm thành viên bằng mã khách hàng”

Định danh

* *Tên:* Tìm kiếm thành viên bằng mã khách hàng
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin tìm kiếm thành viên bằng mã khách hàng
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất: 4/24/2019*

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin muốn tìm thông tin của một khách hàng nào đó
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* khách hàng đó phải có trong hệ thống
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Admin vào thanh tìm kiếm và nhập mã khách hàng để tìm kiếm

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, thông tin của khách hàng đó sẽ được hiển thị ra
* *Xử lý ngoại lệ*: nếu khách hàng đó không có trong hệ thống sẽ xuất hiện một thông báo “Mã khách hàng không tồn tại hoặc khách hàng này chưa được tạo”

### Use case “Khóa tài khoản thành viên”

Định danh

* *Tên:* Khóa tài khoản thành viên
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin khóa tài khoản thành viên
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/24/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin muốn khóa tài khoản thành viên
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* tài khoản thành viên đã có trong hệ thống
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor chọn danh sách khách hàng hoặc đã tìm kiếm ra khách hàng muốn khóa

+ Actor chọn khóa tài khoản

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, hệ thống vô hiệu hóa các quyền của thành viên đó và ẩn khỏi hệ thống
* *Xử lý ngoại lệ*: không có

### Use case “Thống kê khách hàng có doanh số cao nhất”

Định danh

* *Tên:* Thống kê khách hàng có doanh số cao nhất
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin thống kê khách hàng có doanh số cao nhất theo các tùy chọn
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/24/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin muốn thống kê khách hàng có doanh số cao nhất
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* không có
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Actor chọn vào thống kê khách hàng

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, hệ thống sẽ chuyển Admin sang trang thống kê với các lựa chọn riêng
* *Xử lý ngoại lệ*: không có

### Use case “Thống kê khách hàng có doanh số cao nhất theo tháng”

Định danh

* *Tên:* Thống kê khách hàng có doanh số cao nhất theo tháng
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin thống kê khách hàng có doanh số cao nhất theo tháng.
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/24/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin muốn thống kê khách hàng có doanh số cao nhất theo tháng
* *Điều kiện đầu (pre-cond): không có*
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Admin chọn thống kê khách hàng theo tháng

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, hệ thống sẽ thống kê 50 khách hàng có doanh số cao nhất theo tháng
* *Xử lý ngoại lệ*: nếu các khách hàng kể từ khách hàng 51 trở đi có cùng tổng số doanh số với khách hàng 50 thì xét theo ngày mua cuối cùng của các khách hàng đó

### Use case “Thống kê khách hàng có doanh số cao nhất theo quý”

Định danh

* *Tên:* Thống kê khách hàng có doanh số cao nhất theo quý
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin thống kê khách hàng có doanh số cao nhất theo quý.
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/24/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin muốn thống kê khách hàng có doanh số cao nhất theo tháng
* *Điều kiện đầu (pre-cond): không có*
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Admin chọn thống kê khách hàng theo quý

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, hệ thống sẽ thống kê 50 khách hàng có doanh số cao nhất theo quý
* *Xử lý ngoại lệ*: nếu các khách hàng kể từ khách hàng 51 trở đi có cùng tổng số doanh số với khách hàng 50 thì xét theo ngày mua cuối cùng của các khách hàng đó

### Use case “Thống kê khách hàng có doanh số cao nhất theo năm”

Định danh

* *Tên:* Thống kê khách hàng có doanh số cao nhất theo năm
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin thống kê khách hàng có doanh số cao nhất theo năm.
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/24/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin muốn thống kê khách hàng có doanh số cao nhất theo năm
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* không có
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Admin chọn thống kê khách hàng theo năm

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, hệ thống sẽ thống kê 50 khách hàng có doanh số cao nhất theo năm
* *Xử lý ngoại lệ*: nếu các khách hàng kể từ khách hàng 51 trở đi có cùng tổng số doanh số với khách hàng 50 thì xét theo ngày mua cuối cùng của các khách hàng đó

### Use case “Thống kê mặt hàng bán chạy nhất”

Định danh

* *Tên:* Thống kê mặt hàng bán chạy nhất
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin thống kê mặt hàng có doanh thu cao nhất theo các tùy chọn
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/24/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin muốn thống kê mặt hàng có doanh thu cao nhất
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* không có
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Admin chọn vào thống kê mặt hàng

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, hệ thống sẽ chuyển Admin sang trang thống kê mặt hàng với các lựa chọn riêng

*Xử lý ngoại lệ*: không có

### Use case “Thống kê mặt hàng bán chạy nhất theo tháng”

Định danh

* *Tên:* Thống kê mặt hàng bán chạy nhất theo tháng
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin thống kê mặt hàng có doanh thu cao nhất theo tháng.
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất:* 4/24/2019

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin muốn thống kê mặt hàng có doanh thu cao nhất theo tháng
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* không có
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Admin chọn vào thống kê mặt hàng theo tháng

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, hệ thống sẽ thống kê 20 mặt hàng có doanh số cao nhất theo tháng
* *Xử lý ngoại lệ*: nếu các mặt hàng kể từ khách hàng 21 trở đi có cùng tổng số doanh thu với mặt hàng 20 thì xét theo ngày bán cuối cùng của các mặt hàng đó

### Use case “Thống kê mặt hàng bán chạy nhất theo quý”

Định danh

* *Tên:* Thống kê mặt hàng bán chạy nhất theo quý
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin thống kê mặt hàng có doanh thu cao nhất theo quý.
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất4/24/2019*

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin muốn thống kê mặt hàng có doanh thu cao nhất theo quý
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* không có
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Admin chọn vào thống kê mặt hàng theo quý

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, hệ thống sẽ thống kê 20 mặt hàng có doanh số cao nhất theo quý
* *Xử lý ngoại lệ*: nếu các mặt hàng kể từ khách hàng 21 trở đi có cùng tổng số doanh thu với mặt hàng 20 thì xét theo ngày bán cuối cùng của các mặt hàng đó

### Use case “Thống kê mặt hàng bán chạy nhất theo năm”

Định danh

* *Tên:* Thống kê mặt hàng bán chạy nhất theo năm
* *Mục tiêu:* Use case này mô tả cách Admin thống kê mặt hàng có doanh thu cao nhất theo năm.
* *Tác nhân chính:* Admin
* *Ngày tạo và ngày cập nhật mới nhất4/24/2019*

Chuỗi hành vi

* *Mô tả tổng quát chuỗi:* Use case này bắt đầu khi Admin muốn thống kê mặt hàng có doanh thu cao nhất theo năm
* *Điều kiện đầu (pre-cond):* không có
* *Chuỗi liên kết các thông điệp (messages):*

+ Admin chọn vào thống kê mặt hàng theo năm

* *Điều kiện cuối (post-cond):* nếu use case thành công, hệ thống sẽ thống kê 20 mặt hàng có doanh số cao nhất theo năm
* *Xử lý ngoại lệ*: nếu các mặt hàng kể từ khách hàng 21 trở đi có cùng tổng số doanh thu với mặt hàng 20 thì xét theo ngày bán cuối cùng của các mặt hàng đó

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”

### Use case “”